

# TIÊN LONG CHÂU HÀNH

## I - Nguyên Tác

- 1/Non Kỳ, nước Nhuế, mấy thu trường  
Đi lại tìm nơi dấu cổ hương  
Đỉnh dốc bông-bong nhiều ái ố  
Lưng đèo Cắc-cớ lắm tang thương  
Kinh luân mệnh vận là văn vũ  
Doanh dưỡng thiên dân ấy thánh vương  
Máy hóa muôn xưa nhà Hồng Lạc  
Thực hư ai biết khách cương thường.
- 2/Máy thiêng thủ quốc vẫn còn chân  
Hồng Lạc muôn xưa dấu định phân  
Mình ngự ngôi thần lâm đế cực  
Tay vờ chuôi Đẩu bá thiên luân  
Nước non Lạc Nhuế cơ hiền thánh  
Con cháu Rồng Tiên buổi chốn xuân  
Đại địa từ xưa không huyệt táng  
Đan thanh một điểm tự thông thần.
- 3/Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà  
Lục lục hồng hồng chẳng phải xa  
Núi Tản sông Thao guồng đất đập  
Xuân Kỳ thu Nhuế trạm thời thoa  
Cơ thiêng núi ngự tầng non ngọc  
Trăm triệu đùn xây cửa động hoa  
Nam bắc không ngừng xoay tít ngọ  
Ngàn năm ta lại biết là ta.
- 4/Bác ngư lạc lối nhập đào nguyên  
Hốt hoảng trông vờ một cảnh tiên  
Ấy phủ Động Đình ngày đàn noãn  
Hay gò Bồng Đảo lúc chiêu duyên  
Ba sinh nợ cũ tình cổ đế  
Một tấc hồn oan dạ Đỗ Quyên  
Nhấn có Long vương phiền tý chút  
Lên xem nước thủy cửu huyền thiên.
- 5/Cổ kim chơi xóa tựa đo cờ
- 7/Hình hài thấp thoáng bóng tinh anh  
Dâu bể tìm trong trúc sử xanh  
Đụn thóc cây tiền kho giáo dưỡng  
Gậy thần, sách ước vốn kinh doanh  
Sông Hằng nước Hán đều quy lại  
Đào Úc tầng A cũng phục quanh.  
Ruộng đất muôn xưa nhà Bách Việt  
Hồng Bàng còn để mỗi tân canh.
- 8/Chuông vàng đại bác rập rền đồng  
Rớp máu oan oan chữa nhạt hồng  
Ngán núi Kinh Thiên bao nắng hạ  
Thương dòng nước ngược mấy mưa đông  
Hăm tư giáo hóa giếng cương kỷ  
Mười tám Hồng Bàng mỗi Tổ tông  
Tháp cuốn Thà Bà mây Ngũ Lĩnh  
Qua sông ta lại chở sang sông.
- 9/Bước chân cao thấp mãi không cần  
Chỉ vị đan thanh chút nhọc nhằn  
Trở lại hồng hoang khai nguyệt quật  
Dò vào cứu cực nắm thiên căn.  
Cương thường không ngoại guồng thân mệnh  
Giáo dưỡng gồm trong trúc vũ văn  
Giữ được Xuân Thu tròn vẹn mãi  
Còn nhờ tri kỷ tắc bản khoăn.
- 10/Đất đỏ trời xanh giữa một ta  
Chung quanh vẫn của nước non nhà  
Theo đường Tiên mở đem chiêm xuống  
Vạch lối Rồng xây lấy ngọc ra  
Tim óc xoay vần được tuế nguyệt  
Tay chân tạo tác nổi sơn hà  
Đẩy ai suốt hết thần cơ nhi  
Tảng đá đầu ghềnh chắc nở hoa.
- 11/Vận hội ngàn năm để mấy lần

Non nước còn ta đến tận giờ  
Buổi đóng Phong Châu hồn Lãng Bạc  
Khi quân Lam Thủy lúc Hoa Lư  
Vật thần thụy ứng ngày chân mệnh  
Khí chính thâm tàng chốn hóa cơ  
Nguyệt quật thiên căn ai biết được  
Văn minh ta chẳng thiếu đồ thư.

Quét thanh lang sỏi mở canh tân  
Anh hùng dậy khắp vùng lau lách  
Tuần nghệ ra đầy chốn giáp lân  
Đại cáo lại ban lời Bách Việt  
Quỳnh ca luôn tấu khúc Duy Dân  
Trời Nam chung bọc Rồng Tiên cả  
Nhắc để lên đài sống vạn xuân.

6/Guồng máy linh lung độ chuyển vần  
Non xanh nước biếc có kinh luân  
Truyền danh đã hẳn là linh dị  
Ứng thụy rồi ra mới tác dân  
Hư thực anh hùng trông rõ thực  
Giả chân hào kiệt biết rành chân  
Xưa nay bất trắc cơ khôn nói  
Để hỏi đời ai biết thể nhân.

12/Một lối vô danh há dễ bàn  
Đem nguồn cảm hứng núi non ngàn  
Cơ trong vật lý nên thần dụng  
Đạo ở nhân tình chớ dị đoan  
Một nếp Duy Dân cầm chính trị  
Trăm con Hồng Lạc hết gian truân  
Tiên Long châu ấy nơi hùng thắng  
Để lại năm sau chốn ẩn nhàn.

4822 T.V.

## II - Chú Giải

### A. Giải nghĩa những câu chữ khó

*Tiên*: Thần tiên (siêu hình) thuộc thượng giới, đối lập với tục, thuộc hạ giới.  
Biểu tượng tinh thần hữu tượng: Những hình ảnh tươi đẹp, trong sáng. Siêu thể: linh thiêng, huyền diệu.

- Là một trong hai vật tổ của dân Bách Việt.
- Là âm nghi, một trong hai nghi, nằm trong lý thái cực của dịch lý.

*Long*: Là rồng, một con vật trong tứ linh (long, ly, quy, phượng) có đặc tính: dũng mãnh, biến hóa tùy thời, thường ẩn nơi vực sâu, có lúc vùng vẫy bay liệng trên chín tầng mây xanh, làm mưa làm gió; tượng trưng cử động của người anh hùng (Tào Tháo với Lưu Bị luận anh hùng).

- Rồng là một trong hai vật tổ của dân Bách Việt.
- Là dương nghi, một trong hai nghi, nằm trong lý thái cực của dịch lý.
- Danh từ Tiên Long ở đây, lấy ý nghĩa biểu tượng là vật tổ của dân tộc Viêm Việt xuất phát từ thời kỳ "bái vật". Điều đáng nêu lên điểm đặc biệt ở đây là trong thời Bái Vật, các dân tộc khác trên thế giới phần nhiều chỉ "bái" một vật làm Tổ mà thôi. Riêng dân tộc Viêm Việt lại "bái" hai vật làm Tổ. Có những giả thuyết nhận xét về điểm này cho rằng: Lúc đầu những người cùng chung một huyết thống, cùng tiếng nói, cùng theo một cung cách kiếm ăn mà quy tụ thành một nhóm. Sau thành từng bộ lạc ở rải rác trên lục địa Trung Quốc

hiện nay. Bởi những sự khác biệt về không gian, thời gian và nghề nghiệp nên có khi một nhóm nào đó trong lúc đã định cư tại một địa điểm để làm ruộng đã "bái" một loài chim nước làm vật tổ, nên đã để dấu tích trên nét chữ "hồng", vì chữ "hồng" viết chữ "giang" bên chữ "điểu" (鴻). Trong lúc đó thì một nhóm khác ở một nơi khác làm nghề đánh cá, xuống nước sâu gặt giao long nên đã "bái" long làm vật tổ để lại dấu tích trong chữ "bàng". Chữ "bàng" viết gồm bộ "hán" là bờ sông với chữ "long" là rồng ghép lại (龐).

Từ chữ Hồng Bàng đến truyện Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con, sử chép: Lạc Long quân nói với Âu Cơ: "Ta là giống Rồng mà nàng là giống Tiên, nước lửa không hợp nên phải chia, v. v... Truyện trăm trứng trăm con là truyện ngụ ngôn, nhắc dân Bách Việt là đồng bào (cùng một bọc), cùng nòi giống Tiên + Rồng. Sự thực Tiên + Long là một cặp biểu tượng đã trở thành linh tượng, thành động cơ tiến hóa qua dòng tiến hóa sử của nòi giống Bách Việt. Do tinh thần sùng bái vật tổ mà các đức tính của Tiên + Rồng dần dà thấm thấu vào ý nghĩ người Việt, thể hiện qua nếp sống hàng ngày mà trở nên đặc tính của dân tộc. Do đó mà phát minh ra cái nền móng tư duy. Từ Tiên + Rồng tiến đến Hà Đồ + Lạc Thư rồi Gậy Thần + Sách Ước, vân vân.

*Châu:* Châu là lãnh thổ, không phân biệt lớn, nhỏ, rộng hẹp. Ví dụ: Thế giới có năm châu. Nước Trung Hoa xưa kia chia làm chín châu. Nước Việt ta thời bị nhà Đường đô hộ, đế quốc Thiên triều gọi là Giao châu. Thời Pháp thuộc trong xứ chia ra quận, huyện. Châu là khu vực nhỏ hơn quận huyện thường đặt ở miền thượng du Bắc Việt. Châu lúc đó chỉ là một đơn vị hành chính nhỏ.

Chữ châu ở đây có ý nghĩa bao quát hơn. Tác giả mượn tượng ra những nơi chốn mà xưa kia cũng như hiện nay nòi giống Tiên Long đã và đang sinh sống. Với hy vọng xây đắp một cái "thần châu" cho tương lai dân tộc.

*Hành:* Hành là hành khúc, một thể văn vần có tiết điệu gồm những lời ca có điệu nhạc để trình diễn một đề tài. Nói gọn lại "Tiên Long châu hành" là một hành khúc nói về quê hương lãnh thổ của dân tộc thuộc nòi giống Tiên Long.

*Non Kỳ:* Kỳ Điền Lĩnh, theo "Tân Quang Dư Địa học" xuất bản tại Trung quốc thì "Kỳ Điền Lĩnh là một trong những núi thuộc Nam lĩnh hệ gồm có: Kỳ Điền Lĩnh, Đại Dữu Lĩnh, hai dãy chính này cùng với các dãy: Việt Thành, Đô Lũng và Manh Chử gọi là Ngũ Lĩnh thuộc địa giới tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Tài liệu còn ghi vào Quảng Đông xưa kia là đất của người Bách Việt cùng với tỉnh Quảng Tây hợp xưng là "Lưỡng Việt sơn địa".

*Nước Nhuế:* Theo Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh chua là "Tên một nước

cứ". Theo một tài liệu khác thì Nhuế là tên một nước thuộc đời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) bên Tàu. Hiện ở phía Nam huyện Triệu Ấp thuộc tỉnh Thiểm Tây còn một cái thành cổ gọi là "Nhuế thành" tức là thành nước Nhuế.

*Cố hương*: Làng cũ, tức là nơi sinh quán của tổ tiên, ở đây chữ cố hương đồng nghĩa với chữ cố quốc, những nơi trước kia nòi giống Bách Việt đã từng sống ở đó. Cần tìm hiểu thêm cố hương của dân Bách Việt là đâu?

Theo Vương Đồng Linh trong "Trung Quốc Dân Tộc sử" thì sau trận hồng thủy lần thứ tư, người nào sống sót từ hang động trong dãy Thiên Sơn (Tây Bắc Tibet và Tây Tân Cương) [thì] đi xuống. Trong những đám người đi xuống này có 2 chi: Một đi theo phía Bắc Thiên Sơn gọi là Bắc Tam hệ, một chi đi theo phía Nam Thiên Sơn gọi là Nam Tam hệ, chi này gồm có 3 tộc: Miêu - Hoa - Tạng. Theo Mông Vân Thông (*Cổ Sử Nhân Vi*) 3 phái này nguyên tên là Viêm - Hoàng - Tần. Sau tộc Hoàng tự xưng là Hoa tộc, rồi lại đổi là Hoàng tộc. Cuối cùng đổi ra Hán tộc. Hán chỉ là một vương triều y như Đường, Tống, Minh, Thanh vậy. Còn tên chính là Hoa tộc mà thủ lĩnh xưa nhất là Hoàng đế tới chiếm cứ địa bàn của Viêm tộc.

Tạng tộc (Tibétaines) thì lần theo Thiên Sơn Nam lộ tới định cư ở vùng Hy Mã Lạp Sơn sau ra vùng Thanh Hải, Tây Nhung. Rất có thể Anh-đô-nê là một nhóm trong ngành này tiến vào vùng A-San của Ấn Độ sau bị người Aryen đuổi nên đã thiên qua Việt Nam và Bornéo.

Viêm tộc cũng gọi là Miêu tộc và Việt tộc, thoát đầu theo dòng Dương Tử vào khai thác vùng Trường Giang thất tỉnh: Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tây, Giang Tô, An Huy, Chiết Giang, rồi dần theo bình nguyên Hoa Bắc lên khai thác vùng Hoàng Hà lục tỉnh: Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiểm Tây, Cam Túc. Còn phía Nam thì lan tới khu vực thứ ba gọi là Việt Giang ngũ tỉnh: Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, Phước Kiến. Cả năm tỉnh này từ xưa đều là Việt tộc cư ngụ. Theo Chu Cốc Thành (*Trung quốc thông sử*) và một số sử gia thì Viêm tộc đã có mặt ở khắp nước Trung Hoa cổ đại trước khi các dòng khác tràn vào.

*Dốc Bồng Bong*: Cách Chi-nê khoảng 6 cây số trên đường Phủ Lý, Chi-nê. Dốc này về phía Chi-nê thì rất dốc lại thêm đường chữ chi ngoằn ngoèo rồi như mớ bồng-bong nên gọi là "dốc Bồng Bong". Nghe nói ở đó có một loại cỏ gọi là cỏ Ái Ố.

*Đèo Cắc Cớ*: Tên một hang núi thuộc núi Phật Tích, tục gọi là Sài Sơn (chùa Thày). Theo truyền thuyết, trong đèo có hang là nơi xưa kia nhà sư Từ Đạo Hạnh đã trú ẩn ở đấy. Theo ca dao trong cuốn "Gương Phong Tục", hội Chùa

Thày có hang Cắc Cớ, “*trai chưa vợ trảy hội chùa Thày*” (Chú thích: Hang Cắc Cớ, đường vào hang chỉ một người đi lọt. Ngày hội đông đúc trai gái chen lấn nhau, trẻ trai lấy thế làm vui nên thường muốn đến, nhưng nay hang đã lấp rồi).

*Ái Ố*: Yêu, ghét, có ý kiến cho hai chữ ái ố ở đây là một loại cỏ.

*Tang thương*: Do câu *thương hải biến vi tang điền* nghĩa là bể xanh biến thành ruộng dâu, ý nói “luật đổi thay”. Có ý kiến cho hai chữ tang thương đây là một loại cỏ?

*Kinh luân*: Kinh là sợi dọc, luân là sợi ngang; bằng sợi dọc sợi ngang dệt nên vải, tơ lụa, gấm vóc, v.v... Ý nói sự khéo tay, tài làm ích lợi cho đời thường dùng hai chữ này để nói bậc thiên tài, kinh bang tế thế, làm cho ích nước lợi dân. Chữ kinh luân ở đây theo nghĩa trên.

*Mệnh vận*: Như vận mệnh: Mệnh như định mệnh; cá nhân có sinh mệnh cá nhân, tập thể có sinh mệnh của tập thể. Vận: Vòng chuyển vận. Vận có may rủi, tốt xấu, thịnh suy, bỉ thái, vận vận. Người ta thường nói: “Đất có tuần, nhân có vận”, “*Hết cơn bỉ cực đến hồi thái lai*”. Gặp vận hên, gặp vận xui, v.v...

*Doanh dưỡng*: Doanh = gây dựng cho tràn đầy; dưỡng = nuôi nấng. Doanh dưỡng cũng như nói dinh-dưỡng, nói việc nuôi nấng sung túc chất bổ béo.

*Thiên dân*: Dân trời, ý nói các bậc cai trị dân, tự coi mình như con trời (thiên tử) phải nên coi dân như là dân trời (thiên dân) phải có bốn phận nuôi nấng nhân dân cho được đầy đủ tươi tốt cả thể chất lẫn tinh thần.

*Thánh vương*: Thánh là hiện thể trên bình diện loài người nhưng có đầy đủ mọi đức tính tốt. Vương là bậc tài giỏi có đức độ thực hành cái đạo đức của thánh mà nuôi nấng nhân dân trong toàn thể xã-hội của mình. Vương đạo tức là đường lối của các bậc thánh vương lấy đức trị dân, khác với đường lối bá đạo, lấy pháp thuật uy quyền để khống chế dân.

*Máy hóa*: Cũng gọi là hóa cơ, gồm những định luật của tự nhiên tác dụng đến xã hội loài người thường gọi là tạo hóa.

*Hồng Lạc*: Hồng Bàng, Lạc Long là những danh hiệu tổ tiên nòi Việt.

*Khách cương thường*: Người lãnh đạo gây dựng và duy trì kỷ cương, giềng mối cho quốc gia xã hội loài người.

*Máy thiêng*: Nghĩa như máy hóa thêm tính linh diệu của nó.

*Thủ quốc*: Gồm cả các công việc giữ gìn đất nước.

*Đỉnh phân*: Có bản chép là "đỉnh phân", lại có bản chép "định phần" – Đỉnh là cái vạc ba chân; phân là chia. Đỉnh phân là chia 3 thế chân vạc. Nghĩa này ở đây e không đúng. Còn phần hay phân, nghĩa không khác mấy; song nếu đọc phần thì âm thanh của thơ kém kêu. Vì "phần" là bình hạ thanh. Nếu để "phân" là bình thượng thanh nghe kêu hơn. Chúng tôi đồng ý kiến này nên để "định phân".

*Mình*: Nghĩa của danh từ hình thể, đất đai, sông núi, nơi dân tộc Việt đã và đang sống ở đó.

*Ngôi thần*: Vị trí của sao Bắc Đẩu ở trên trời (Theo Luận Ngữ, thiên "vi chính" "*Vi chính dĩ đức thí như Bắc thần cư kỳ sở nhi chúng tinh cùng chi.*": Lấy đức làm chính trị ví như sao Bắc thần ở ngôi chính của nó mà các sao khác đều hướng về với nó).

*Lâm đế cực*: Hướng về ngôi chúa tể.

*Chuôi Đẩu*: Chuôi sao Bắc Đẩu.

*Bá thiên luân*: Năm giữ bánh xe trời.

*Lạc Nhuế*: Tên nước cũ của dân Việt.

*Cơ hiền thánh*: Thời cơ có vua thánh tôi hiền.

*Buổi chấn xuân*: Buổi bắt đầu thịnh vượng. Chấn là một trong 8 quẻ của kinh Dịch, ngôi vị ở phương Đông mùa xuân. Lấy ý là mùa xuân thì vạn vật tươi tốt. Quẻ chấn thì phát triển mạnh.

*Đại địa*: Danh từ địa lý (phong thủy) nghĩa là đất lớn phát đế vương.

*Huyệt táng*: Chỗ đào đất lên để chôn xác.

*Đan thanh*: Đan là son (một thứ đá màu đỏ tươi đẹp); thanh là màu xanh, đây là màu xanh của tre. Ngày xưa chưa có giấy viết nên người ta chẻ tre ra từng thanh, từng bản để ghi chép. Những thẻ tre chép về sử gọi là sử xanh. Chép

sử ghi công trạng vẻ vang thì ghi bằng son để nêu lên những nét đặc biệt. Nét son trong sử xanh gọi tắt là son xanh. Chữ là “đan thanh”.

*Thông thần:* Thông là thông suốt; thần là do các chất tinh hoa tạo nên, sự linh diệu màu nhiệm của tinh thần. Chủ thông thần ở đây nghĩa là chính do những nét đản thanh của lịch sử tạo nên cái hồn linh thiêng của lịch sử (sử hồn). Có ý kiến cho rằng: Chữ thông thần ở đây nghĩa như chữ mặc khải vậy.

*Chủ trương:* Chủ trì theo một đường lối, một lý thuyết, một triết lý nào đó. Ở đây tác giả xác nhận Rồng Tiên là một đường lối, một lý thuyết, một triết lý của nhà. Nhà đây là nhà Việt, nòi giống Việt. Người Việt mình từ bao giờ đến bây giờ vẫn nhận mình là con cháu của Rồng Tiên. Như vậy nhận Rồng Tiên là của nhà là lẽ tất nhiên. Song người Việt chúng ta nên nhớ rằng: Của nhà là do Tổ Tiên nòi Việt sáng tạo ra khác với những cái ở ngoài do người khác tạo ra như những đường lối chủ trương do những thế hệ triết học duy này duy nọ.

*Lục lục hồng hồng:* Lục là màu xanh lá cây; hồng là màu hoa hồng. Nói lục lục hồng hồng là nói nhiều màu nhiều vẻ (muôn tía nghìn hồng).

*Núi Tản:* Tản Viên sơn thuộc địa phận tỉnh Sơn Tây cũ, nay là Hà Sơn Bình. Theo “Linh Quang” tập chép: “Mạch núi từ xã Mang Thành, từng lớp cao mà tới, hình như cái tản tròn (Tản viên) làm trấn sơn của nước Đại Nam. Có ba ngọn cao ngang hàng: Đỉnh núi, lưng núi và chân núi. Có cung điện thờ, gọi là thượng, trung, hạ mà núi cao gần mây xanh. Mây khói suốt ngày nghi ngút, núi cao là hai ngàn ba trăm mười trượng, chu vi rộng bốn vạn tám nghìn sáu trăm năm trượng. Dưới bốn mặt sông ngòi bao quanh, cảnh đẹp sáng sủa chẳng thể nói ra hình trạng. Nghe nói đá dựng vách đứng như sơn án. Có đầu gậy treo thần thư cắm ở đúng giữa. Trên núi mọc ra lăm cỏ “Vô phong độc lập” hai mảnh lá có tự cùng khép mở. Đền núi thờ 3 vị trụ quốc đại vương rất thiêng. – Văn hội chép: Ở trên cao có bốn chữ: “Thánh Tổ Hùng Vương”, hai câu đối: “Nam Tổ Kỳ Địa”, “Tây Hưởng Vu Thiên”, nghĩa là đầu đất ở Nam, hưởng lộc về phương Tây. Cao Biền nhà Đường đã yểm mạch đất mà không được. Vua Ý Tôn nhà Đường khoảng năm Thái Ninh, ban tiền bạc để làm cửa đền miếu, đến nay hãy còn. Năm Minh Hồng Đức thứ 3, vua Thái Tổ nhà Minh tự làm chúc văn sai đạo sĩ Châu Nguyên Phục đem tới đủ lễ nghi tiền của để cúng tế.

Sách Minh Lễ chép: Núi có danh ở An Nam có 21 ngọn thì Tản Viên là nhất. Vua Lý Nhân Tôn nước ta sai Công bộ dựng đền ở trên ngọn thứ nhất có 20 tầng lầu. Khi Tĩnh vương đi bình tây muốn lên thăm, bỗng có gió mưa lớn, tướng sĩ lạc lối khó lên. Ông Nguyễn Thứ Hiện nói rằng: Người triều Thanh

(Trung Hoa) tôn xưng đức Tản Viên Đại vương giữ núi trấn bể, Đức Chủ Đổng Tử lấy gậy nón lên trời, đức Phù Đổng Thiên vương cưỡi ngựa lên trời, Đức Từ Đạo Hạnh (Sài sơn) dập đầu vào hang đá đầu thai là bốn vị thần bất tử của An Nam.

Quốc triều Nguyễn, vua Minh Mệnh thứ 17 sai vẽ bản đồ núi Tản Viên và khắc hình vào đỉnh thờ miếu vua Thuần Tôn. Năm Tự Đức thứ 3 xuống chiếu sai lấy núi Tản Viên vào hàng danh sơn để phụng thờ. Đôi liễn như sau:

“Đặng thị Nam bang, tuyệt đỉnh tam tầng thiên địa trấn.

Hiển vu Tây thổ, nghiêm từ vạn dị thánh thần uy.”

Dịch: *Lên đó nước Nam cao, vút đỉnh ba tầng trời đất trấn,*

*Linh hiển miền Tây nọ, nghiêm đền muôn thuở thánh thần oai.*

*Sông Thao*: Theo địa dư chí Nguyễn Trãi toàn tập: Sông Thao là ngọn sông Hoàng thủy cũng 500 năm một lần nước trong. Sông Thao tức là đoạn sông Hồng từ Việt Trì trở lên phía trên. Hoàng thủy không rõ ở đây Nguyễn Thiên Túng muốn chỉ sông nào? Sông Thao là ngọn sông Hoàng Thủy? Phải chăng Hoàng thủy là sông Hồng? (Nguyễn Thiên Túng viết lời tựa chú trong Địa dư chí, là người đồng thời với Nguyễn Trãi). Theo Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn: Sông Thao ở Hưng Hóa tức hạ lưu sông Lan Thương ở Vân Nam, sông Phú Lương là hạ lưu của sông Lan Thương. Nước ta gọi dòng Phú Lương là sông Tây Nhị Hà vì sông ấy tuy từ sông Lan Thương chảy xuống nhưng cũng là hạ lưu của sông Tây Nhị Hà.

Trên đây là vị trí cùng chi tiết về núi Tản, sông Thao trong dư đồ đất nước, và sau đây ta sẽ tìm hiểu vị trí ý nghĩa về hai mặt sông núi này nằm trong câu thơ mà tác giả đã vận dụng nó vào đây để trình bày cùng với cái chủ trương Rộng Tiên nhà này: Rộng Tiên đã là cặp danh từ biểu tượng như: Âm dương, trời đất, vũ trụ (không gian + thời gian); đến như “lục lục, hồng hồng” cũng là tượng âm dương rồi hướng chỉ là sông núi. Vậy thì sông núi đã cùng với Rộng Tiên là biểu tượng mà “Thao Tản” lại là nước non cũng của nước non nhà. Cái quan trọng của nó là cái “Guồng đất đập”.

*Guồng*: Guồng máy, động cơ, cơ thiêng, máy hóa, v.v...

*Đất đập*: nghĩa như địa trục của trái đất, con đường ngang qua trái đất từ Bắc cực đến Nam cực. Phải chăng câu này nói: Núi Tản sông Thao là cái trục của trái đất tức là trung tâm điểm lấy đó làm xuất phát điểm cho văn minh nhân loại trong tương lai? Nói tóm lại: Ý nghĩa chủ yếu của câu “Núi Tản sông Thao guồng đập đất” là nói về cái địa lý chính trị trong chủ trương Rộng



Tiên nhà.

*Xuân Kỳ*: Xuân là mùa đầu trong 4 mùa của năm. Kỳ: non Kỳ đã giải nghĩa ở trên. Đây cũng là danh từ biểu tượng, nhưng là biểu tượng hòa biểu tượng. Bởi vì Xuân là biểu tượng của thời gian. Còn Kỳ là biểu tượng của không gian, như vậy trong nó đã có vũ trụ của nó rồi.

*Thu Nhuế*: Thu là mùa thứ 3 trong 4 mùa của năm. Nhuế là nước Nhuế đã giải thích ở trên. Cũng như Xuân Kỳ, Thu Nhuế là danh từ biểu tượng hòa biểu tượng vì: Thu là biểu tượng của thời gian, Nhuế là biểu tượng không gian. Thu Nhuế cũng có vũ trụ riêng của nó. Mặc dù vậy, Xuân Kỳ, Thu Nhuế vẫn cứ phải là một cái "trạm" để cho mọi thời gian giao thoa với mọi không gian. Xuân Thu là dĩ vãng, hiện tại và tương lai của thời gian và cùng giao thoa với Kỳ Nhuế là không gian cổ đại của Tổ Tiên nòi Viêm Việt, cùng với Thao Tản hiện nay đất nước của con cháu Lạc Hồng hướng về tương lai vô tận. Như vậy thì sự giao thoa hay cái "trạm thời thoa" mầu nhiệm biết là nhường nào? Nói tóm lại ý nghĩa chủ yếu của câu "Xuân Kỳ Thu Nhuế trạm thời thoa" là nói về cái triết lý chính trị trong chủ trương "Rồng Tiên nhà".

*Cơ thiêng*: Máy thiêng đã nói ở trên.

*Núi ngự*: Núi có chỗ vua ngự. Căn cứ vào sự ghi chép của Văn Hội trong Tản Viên Sơn Thánh ngọc phả, đoạn nói về núi Tản có chép: "Ở trên có bốn chữ 'Thánh Tổ Hùng Vương'" phải chăng do đó mà danh từ núi ngự?

*Non ngọc*: Cũng căn cứ theo tài liệu trên trong bản chúc thư có ghi câu thứ nhất là "Thúy lĩnh Ngọc Tản Linh Sơn".

*Trẫm triệu*: Điềm lành ứng hiện. Có nơi chép là "trâm tạo", "chấm tạo, "chấm triệu", những chữ chệch có lẽ vì chép sai nên không có nghĩa. Chúng tôi thấy rằng "trẫm triệu" là điềm báo trước là đúng theo như truyền thuyết dưới đây: Nghĩa hai câu luận này chú ý vào cái cơ thiêng tàng trữ ở trên non ngọc, nó là cái gì? Theo "Linh Quang" tập có ghi: "Núi đã dựng vách đứng như sơn án có đầu gậy treo thần thư" cắm ở đúng giữa. Như thế thì rõ ràng nói với cơ thiêng là Gậy Thần Sách Ước hiện tàng trữ trên ngọn núi Tản, nó là phương tiện mầu nhiệm để hiện thực cái chủ trương Rồng Tiên nhà vậy. Và có lẽ chính vì cái cơ thiêng ấy mà phát hiện ra những triệu ứng đàn xây trên bãi cát thuộc vùng động Hoa Lư như người thời đã thấy. Theo truyền thuyết, ở cửa động Hoa Lư có một bãi cát hàng năm thường thấy cát đùn xây lên những hình tượng như hình rồng, hình tiên, hình ngai, hình lọng, hoa lá vân vân. Dân làng ở đó đã quen, kinh nghiệm cho rằng: Có được những điềm ứng nghiệm như

thế là điềm đem lại sự thịnh vượng cho dân làng.

Vấn trong chủ trương nhà, dấy núi về ý nghĩa của hai câu luận này: Chủ yếu là nói đến cái "cơ thiêng" tức là cái bửu bối nói thay chữ nghĩa ngày nay nó là: phương tiện, công cụ, làm cái bí quyết để thành công của chủ trương ấy là "Gậy Thần, Sách Ước" hiện đương tàng ẩn trên tầng non Ngọc Tản. Do đó sẽ có những điềm báo trước như những điềm báo trước đùn xây ở cửa động Hoa Lư tức là điềm "Vạn Thắng".

*Nam Bắc*: Tên gọi hai phương trong bốn phương trời, mười phương Phật.

*Tý Ngọ*: Tên hai chi trong 12 địa chi (từ Tý đến Hợi).

Câu thơ này gồm 7 chữ. Hai chữ đầu là Nam Bắc, là phương hướng thì ở nguyên một chỗ nhất định. Hai chữ cuối là Tý Ngọ cũng không xê cả về thời gian cũng như không gian. Về không gian, vị trí của Tý ở phương chính Bắc; vị trí của Ngọ ở phương chính Nam. Về thời gian, quả đất xoay chung quanh mình nó một ngày một đêm là 24 giờ đồng hồ, 12 địa chi, mỗi địa chi bằng 2 giờ đồng hồ, như vậy Tý ở vào khoảng thời gian từ 23 đến 1 giờ đêm. Ngọ ở vào khoảng từ 11 giờ đến 1 giờ (13 giờ). Thế là đầu đuôi Nam Bắc hay Tý Ngọ đều không di chuyển thế mà 3 chữ giữa lại "không ngừng xoay". Cái gì xoay? Xoay làm sao? Muốn giải đáp cho thỏa đáng phải dựa vào 2 cách:

- \* Dựa vào từ để tìm ra ý ở ngoài từ (ý tại ngôn ngoại).
- \* Tìm ý trong biểu tượng như hầu hết những biểu tượng trong đoạn thơ này.

Cách thứ nhất: Đầu cuối không xoay chỉ có ở giữa "không ngừng xoay" như thế tự ở giữa phải xoay theo đầu và cuối tức là theo phương Nam Bắc và theo đường Tý Ngọ. Rõ ràng là tác dụng của cái kim la bàn (boussole). Kim la bàn dùng để tìm phương hướng gọi là "phương châm". Ý ở câu này, tác giả nhấn mạnh đến phương châm hành động để thực hiện chủ trương Rõng Tiên nhà.

Cách thứ hai: Ý nghĩa biểu tượng. Nam Bắc ở đây không nhìn theo địa đồ mà nhìn theo la bàn, nghĩa là phương Nam cung Ngọ, tượng lửa, quẻ Ly thuộc dương, ở trên là trời; phương Bắc cung Tý, tượng nước, quẻ Khảm thuộc âm, ở dưới là đất; cây kim ở giữa không ngừng xoay Tý Ngọ tức là đầu kim luôn luôn chỉ về phương Nam, đuôi ở phương Bắc. Ở đây cây kim còn mang một ý nghĩa triết lý: Đầu đội trời, chân đạp đất. Ta ở giữa là con người nhân chủ = Duy ngã độc tôn.

Câu cuối cùng "*Ngàn năm ta lại biết là ta*". Muốn biết quả cần phải xem nhân, vì người ta "nhân nào quả ấy". Ta hãy trở lại câu đầu tiên ở đoạn này là để

tìm ra ý đoạn cuối cùng của thơ này. Câu trên cùng nói: “*Rồng tiên vốn có chủ trương nhà*”. Chữ nhà ở đây là nhà Hồng Lạc. Vậy thì chữ ta ở đây là chữ tự xưng của những người biết ta là con cháu giống Rồng Tiên. Những người ấy đều có thể tự hào xưng ta là người nhà Hồng Lạc. Ta đã có lần xưng “*Hồng Lạc tính linh Ta bất tử*”. Chữ TA giống chữ TA duy ngã ở trên. Nhà Hồng Lạc của ta đã trải mấy ngàn năm. Chữ ngàn năm ở đây nói từng quãng thời gian, ngàn năm này qua ngàn năm khác, thế hệ này qua thế hệ khác, ta lại biết ta là con nhà Hồng Lạc tức là ta còn biết cái trách nhiệm đối với thời đại, cái nhiệm vụ đối với lịch sử. Nắm vững phương châm hành động theo mục đích của Rồng Tiên và chủ trương nhà.

*Bác ngư hay Bạc ngư*: Bác ngư tên gọi người đánh cá, cũng như gọi ngư ông, ngư phủ. Tuy nhiên, nghe gọi “bác” có vẻ bình dân, cho nên có ý kiến cho rằng chữ “bạc” chứ không phải chữ “bác”. Bởi lẽ toàn bài thơ tả cảnh thần tiên mơ mộng mỹ miều, cao sang thượng tôn cả, tác giả đâu có quê mùa gì mà dùng chữ “bác” nghe tầm thường lạc lõng quá. Chúng tôi cũng muốn đồng ý như vậy, song xét ra chữ “bạc” nghĩ không ổn. Bởi lẽ có hai chữ “bạc”: Một là bạc (泊): đậu thuyền, ghé bến. Nếu bạc ngư là thuyền đánh cá nó có biết hết hoảng không? Hai là chữ “bạc” (舶) thuyền buồm, tàu lớn đi bể. Thuyền chài của ngư ông ngày xưa chỉ là thuyền nhỏ, làm gì có bạc là tàu đi bể? Chỉ có thời đại này nghề đánh cá được hiện đại hóa mới có thứ tàu lớn như vậy. Đến đây chúng tôi xác nhận: “Bác ngư” là đúng, chỉ có bác ngư mới có tâm trạng hết hoảng trước cảnh vật vô cùng lạ lùng kỳ diệu chưa từng thấy ở nơi phàm tục này.

*Đào nguyên*: Nguồn đào, động đào là nơi tiên ở.

*Phủ Động Đình*: Nơi nguồn gốc xuất phát của dân tộc Lạc Việt.

*Đản noãn*: Sinh ra trứng (Truyện bà Âu Cơ và Lạc Long quân lấy nhau sinh bọc trứng nở trăm con).

*Bồng Đảo*: Nơi đảo Vương Mẫu (Tiên) ở.

*Chiêu duyên*: Vời duyên, ý nói đôi bên gặp gỡ kết duyên với nhau.

*Ba sinh*: Con người ta sống có mỗi duyên nợ ràng buộc trong ba nấc thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai. Thí dụ: Anh B đương sống, sự sống của anh B đã do ông A là dĩ vãng sinh ra, máu sống của ông A dĩ vãng cuộc sống được sống trong cơ thể anh B, rồi anh B lớn lên lấy vợ sẽ sinh ra cháu C. Một dòng máu truyền thống nối A, B, C lại gọi là kiếp “ba sinh”.

*Cố đế:* Thắt chặt từ trước.

*Đỗ Quyên:* Tên con chim quốc do hồn Thục Đế mất nước thác sinh ra.

*Long vương:* Có bản chép lại là Long Chương. Có lẽ Long vương thì đúng hơn. Vì Long vương là vua Rồng tức là Long Quân.

*Rước thủy hay Nước Thủy?* Chúng tôi đã hỏi nhiều người, nhưng không có giải đáp rõ rệt. Thêm cả chữ “cửa” hay “cửa” nữa. Ở đây, chúng tôi mạn phép để phỏng đoán. Đoạn thơ này, tác giả giới thiệu về khu Động Đình. Động Đình là nguồn xưa gốc cũ, là cái nơi của Tiên Long. Cho nên hai câu cũng không ở ngoài ý nói về Tiên Long. Câu trên là lời gọi Long Vương lên xem “rước nước” trên cửa huyền thiên. Huyền thiên là chỗ Tiên ở. Nghĩa là gọi Rồng lên với Tiên. Việc này đúng như lời giao ước khi chia tay (Huyền sử kể rằng khi chia con, Lạc Long quân có dặn: Nếu có việc gì thì cùng gọi, không được bỏ nhau. Huyền sử cũng kể: Long vương thường hay xuống chơi thủy cung, lâu ngày không về. Trong triều đình có việc khó giải quyết, dân Văn Làng thường ra bờ sông bờ biển gọi: “Bố ơi bố về mà xử kiện cho con”. Vậy thì câu: “Nhấn có Long vương phiến tý chút” cũng là lời gọi Long vương mà thôi.

*Phong Châu:* Nơi đóng đô của nước Văn Làng thời Hùng vương cũng là quê của hai bà Trưng. Hiện nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phú.

*Lăng Bạc:* Tên hồ, nơi quân hai bà Trưng chống quân Mã Viện. Hồ Tây?

*Lam thủy:* Lam Sơn (tên núi). Lương Thủy (tên sông) đều thuộc vùng Thanh Hóa là nơi xuất phát cuộc cách mạng Lê Lợi.

*Hoa Lư:* Tên động, nơi phát tích của vua Đinh Tiên Hoàng, cũng là thủ đô nước Đại Cồ Việt.

*Vật thần:* Đồ vật có tính cách thần diệu thiêng liêng như: Gậy Thần, Sách Ước chẳng hạn.

*Thụy ứng:* Điềm lành ứng hiện.

*Chân mệnh:* Sứ mệnh chân chính của các bậc chân nhân ra đời cứu dân cứu nước.

*Chính khí:* Khí tốt, trong sáng ngay thẳng. Ở trời đất gọi là khí hạo nhiên. Ở con người gọi là khí trung trực, tiết tháo.

*Thâm tàng:* Tích trữ lại ở nơi thâm sâu (sâu thẳm).

*Hóa cơ:* Trong tự nhiên vận động.

*Nguyệt quật:* Gọi là hang trăng, thực ra nó siêu hình, chỉ là khí âm, một trong hai nghi đối đầu với "dương".

*Thiên căn:* Gọi là gốc trời, thực ra nó siêu hình, chỉ là khí dương, một trong hai nghi, đối đầu với âm nghi của thái cực. Kinh Dịch nói: "Nên thăm dò nơi nguyệt quật thì mới biết được mọi sự vật. Nếu chưa nắm được thiên căn sao biết được con người" (*Tu thám nguyệt quật phương chi vật; vị nhiếp thiên căn khởi thức nhân*). Tượng của nguyệt quật là quẻ "cẩu", nó là âm vừa mới ló dương. Tượng của thiên căn là quẻ "phục" hay là "bác". nó là dương vừa mới nảy từ trong âm. Bởi vậy chữ thiên căn hay nguyệt quật không bao giờ đi một mình cả. Vì lẽ một dương thì không sinh, mà một âm thì không lớn.

*Truyền danh:* Tuyên truyền về danh nghĩa gì hay nhân vật nào.

*Linh dị:* Sự thiêng liêng khác thường.

*Tác dân:* Tác động có hiệu quả trong quần chúng.

*Bất trắc cơ:* Cơ hội không thể lường được.

*Hình hài:* Thân hình con người

*Tông Á:* Các nước Á đông.

*Đảo Úc:* Úc châu

*Bách Việt:* Danh hiệu gọi chung nòi giống Miêu, Việt Nam.

*Tân canh:* Cuộc đổi mới.

*Chuông vàng:* Ông Tín Hải có nêu lên một số chuông làm nghi vấn. Chuông Quỳnh Lân là một trong bốn đại khí truyền quốc của Đại Việt? Theo truyền thuyết chuông này không kêu. Chuông do Không Minh Không lấy đồng đen của nhà Đường đúc nên, tiếng chuông vang xa gọi được cả trâu vàng con tìm về với mẹ (?). Tiếng chuông đã thức tỉnh hồn nước cũ, ấy thế mà phải nhận chìm xuống hồ Tây, tại sao? Chúng tôi nghĩ rằng tất cả mọi thứ tiếng chuông đóng lên trong chiều hôm, ban sáng (chiều mộ) có tiếng ngân nga rền rĩ xoáy vào trong thâm tâm, nơi tiềm thức có giá trị cảnh giác lớn lao về những rớp máu oan oan tới nay còn chưa nhạt hồng. Còn như chuông chùa Quỳnh Lân đành rằng nó là một trong bốn đại khí truyền quốc, nhưng nếu nó không kêu thì chắc không phải là ý tác giả muốn nói là chuông vàng đại báo rầy rền đồng!

Đến như chuông do Không Minh Không lấy đồng đen của nhà Đường đúc nên, tiếng đồng vang xa gọi được cả trâu vàng con tìm về với mẹ (?). Người ta nói đồng đen là mẹ vàng. Con tìm về với mẹ là nghĩa ấy chăng? Nếu không gọi được hồn nước, đại báo được mỗi cảnh giác quốc dân thì chuông của Không Minh Không cũng chỉ có giá trị truyền kỳ huyền thoại. Chưa chắc đã đem mà giải thích cho đúng vào với ý nghĩa câu thơ ở đây.

*Đại báo*: Báo động lớn, cũng như đại cáo, tuyên cáo cho tất cả quốc dân của từng thế hệ.

*Rập rền đồng*: Tiếng đồng vang dậy rền rĩ, ngâm nga thắm thía sâu trong tiềm thức con người.

*Rớp*: Tiếng cũ. Nói tai nạn xảy ra trùng điệp, tiếp diễn ra cùng ở một chỗ đó. Chỗ đó là lịch sử Việt. Lịch sử Việt là một chuỗi đấu tranh, thế hệ này đổ máu, thế hệ sau nối tiếp, đổ máu chỉ vì mục đích chiến đấu đòi lại độc lập và tự do. Dòng máu oan oan kia hãy còn nóng hổi chưa nhạt màu hồng. Hình ảnh kia gợi trong tâm trí dân tộc bằng tiếng chuông vàng đại báo, nhắc nhở lòng cảnh giác về mỗi phần uất căm hờn đối với kẻ thù phương Bắc.

*Núi Kinh Thiên*: Theo nghĩa đen là ngọn núi cao chọc trời, chống trời.

*Nắng hạ*: Theo nghĩa đen là sức nắng gay gắt như thiêu như đốt của mùa Hạ. Nghĩa bóng nói sức dã man tàn bạo của âm mưu xâm lược thống trị, áp bức, bóc lột vô cùng hiểm độc của bọn đế quốc.

*Dòng nước ngược*: Tác giả dùng thể tỷ để ví với hoàn cảnh éo le của dân tộc mình. Đã nghèo yếu lại phải luôn luôn đương đầu với mọi kẻ thù địch. Cả với con người với thiên tai. Nước để từ thác, từ nguồn chảy ra sông ra bể là chảy xuôi là lẽ thuận. Ngược lại, nước từ bể phải chảy ngược lên rừng Bắc, vì muốn dâng lên làm tràn ngập, làm sức cuốn lôi đi hết những loài gian ác tanh hôi kia đi. Muốn thế nhưng thật là khó khăn, phải đương đầu với bao nhiêu sức cản trở.

*Mưa đông*: Mưa trong mùa đông. Mùa đông hay xảy ra những trận mưa dầm dề, tầm tã, kéo dài hàng tháng làm cản trở lớn cho việc hành quân (quân Thực do Không Minh lãnh đạo, tiến công quân Tư Mã Ý (Ngụy) gặp trận mưa đông kéo dài nên thất bại phải rút quân).

*Hăm Tư hay Năm Tư?* Chúng tôi cho rằng có lẽ vì tam sao thất bản, hoặc vì đánh máy sai, bởi vì chữ "H" và "N" trông lơ mơ dễ nhầm lẫn. Chúng tôi nhận định rằng chữ "Hăm tư" có nghĩa hơn. Hăm tư giáo hóa tức là 24 điều giáo hóa của vua Lê Thánh Tôn, niên hiệu là Hồng Đức (*Lê Hồng Đức khi vườn*

*quỳnh chính giáo*). Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim có chép: “Ngài lại đặt ra 24 điều, sức cho dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt”. Sử lược lại viết: “Xem những công việc của vua Thánh Tông thì ngài thật là một đấng anh quân, những việc văn trị và sự vũ công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức. Nhờ có vua Thái Tổ thì giang sơn nước ta mới còn và nhờ có vua Thánh Tông thì văn hóa nước ta mới thịnh. Vậy nên người An Nam không bao giờ quên công đức hai ông vua ấy”.

*Nền cương kỷ*: Giềng mối, hệ thống trật tự của quốc gia. Tất nhiên nội dung 24 điều giáo hóa kia đã chứa đựng đầy đủ các chi tiết của một nền đạo lý dùng để hun đúc nên những con người toàn diện của giống nòi Tiên + Rồng theo chủ trương “*Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà*”. Lại nữa, 18 đời Hùng vương trong xã hội Hồng Bàng, mọi sáng tạo, mọi cơ chế trong quốc gia Văn Lang; Văn hóa: Lạc hầu; võ bị : Lạc tướng; kinh tế: Lạc điền; chính trị: Lạc chính; Xã hội: Lạc dân; Chính sách trung ương tập quyền, địa phương phân quyền. Song vua với dân như bố với con. Theo truyền thuyết: Mỗi khi dân có điều khó xử với nhau, liền chạy ra bờ sông, bờ bể gọi “*Bố ơi bố! Về xử kiện cho con*”.

*Tháp cuốn Thà Bà*: Thà Bà có nơi chép là Trà Bà. Có ý kiến cho rằng: Có lẽ là Chà Và (Java) một địa điểm ở phía Nam đối diện với điểm ở phía Bắc là Ngũ Lĩnh. Có chỗ viết “*Gió đèo Ngũ Lĩnh mây quan Trà Bà*”. Câu thơ ghi cái không phận trên địa phận. “*Ruộng đất muôn xưa nhà Bách Việt*”, cũng như ngày nay ta nói: “*Mây ai Nam quan sóng Cà Mau*”. Điểm trên cùng và dưới cùng của lãnh thổ hình chữ “S”.

Theo “Việt Điện U Linh tập” phần chú thích ghi: “Đồ Bà là tên riêng một nước ở các đảo ngoài bể gồm bán đảo Ma-La-Ca (Mã Lai) (Hoàng xuân Hãn “Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca”, trang 93).

Thà Bà? Trà Bà? Đồ Bà? Có sự sai lầm về chữ Hán chăng? Chữ Đồ (荼), chữ Trà (茶) khác nhau một nét. Thêm một ý kiến nữa cho rằng: Đồ Bàn kinh đô của nước Chiêm Thành cũ, mới có tháp xây với các cửa cuốn. Cũng là một địa giới nước Việt ở phía Nam.

Câu sau này “*Qua sông ta lại chở sang sông*”: Ngụ ý là những kinh nghiệm lịch sử trên đây. Tác giả đã tìm ra và thể nghiệm cho người sau noi theo. Mình qua sông rồi còn trách nhiệm dắt người khác qua “*Tự giác, giác tha*”.

*Hồng hoang*: Nơi rộng mênh mông còn mờ mịt hỗn độn, ấy là lúc trời đất chưa phân định. Vũ trụ còn là một khối thái nhất hay nhất như.

*Cửu cực*: Cũng gọi là cửu trù, do những nét vạch trên lưng con rùa mà tổ tiên

người Việt đã tìm thấy trên sông Lạc nên gọi là Lạc Thư và đã phát minh ra “Cửu Trù Hồng Phạm”. Nguyên tắc áp dụng những quy luật vũ trụ vào đời sống xã hội loài người.

“*Đất đỏ, trời xanh, giữa một ta*”: Trên là trời, dưới là đất, giữa là ta. Câu thơ trên đây cũng như câu của Phật nói: “Thiên thượng, địa hạ, duy ngã độc tôn”. Chữ ngã là ta. Ta là con người, có nhiệm vụ lập tâm cho trời đất.

Nói: “*Chung quanh vẫn của nước non nhà*” có nghĩa: ta cũng vẫn ở giữa nước non nhà, nghĩa là ở giữa dĩ vãng và tương lai, nên ta có trách nhiệm “Kế vãng khai lai”, xây đắp lại cõi “Thần châu”.

“*Theo đường Tiên nữ mang chiêng xuống - Vạch lối Rồng xây lấy ngọc ra*”

*Chiêng*: Theo truyền thuyết ở một làng nọ đầu năm tế thần, quen như thường lệ, ông chủ tế chạy vào trong một khu rừng, nơi đây ông chủ tế sẽ thấy một cái chiêng thần. Ông mang về để tế. Tế lễ xong, ông đem trả vào chỗ đó. Dân làng cho rằng chiêng của Tiên cho mượn. Như thế có tiếng chiêng đó, cuộc tế mới thành. Do đó mới thông được với thần minh. Chúng tôi nghĩ rằng truyền thuyết trên đây ít có giá trị căn cứ. Trong Kinh Thi, thiên Quốc Phong bài 184 nói: “Bổ tiến quân thì đánh trống. Mẹ hô lui thì khua chiêng”. Như vậy, chiêng là hiệu lệnh của Mẹ (tiên), trống là hiệu lệnh của cha (rồng). Tiến quân là xử việc đời, lui là trở về chỗ xuất phát, nơi yên định tàng trữ, nơi có nguyên lý mẹ. Để hiểu một cách có lý chứng hơn nên hiểu rằng: “Chiêng” của tiên là một biểu tượng cũng như nói vật thần là cái bí quyết hiệu năng khi hành xử mà mình nắm được. Còn “ngọc” thì ta thấy trong kiến trúc người ta đắp hay tạc, khắc hình rồng bao giờ cũng để trong miệng rồng một viên ngọc. Ngọc đó là biểu tượng cái tinh hoa của Rồng. Vậy ý nghĩa cũng chỉ là nắm giữ được cái tính chất hiệu năng của triết lý hành xử.

*Vận hội*: Cơ hội tốt, vắn xoay đến để mình nắm được.

*Canh tân*: Đổi mới.

*Tuấn nghệ*: Tuấn là tốt đẹp, tài giỏi. Nghệ là tài năng học vấn kỹ thuật đều gọi là nghệ. Đời xưa cho: Lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (cầm cương cưỡi ngựa), thư (viết chữ), số (học về số toán) là lục nghệ. Nói chung là nhân tài.

*Giáp*: Xưa tổ chức bảng giáp để kiểm tra nhân số, cứ 10 nhà làm một giáp.

*Lân*: Xóm. Giáp lân hiểu như hàng xóm.

*Quỳnh ca*: Những khúc ca ở vườn Quỳnh thời vua Lê Thánh Tông tượng trưng



văn hóa thời thái bình.

*Vật lý*: Lý tính của sự vật.

*Thần dụng*: Áp dụng một cách tài tình thần diệu.

*Dị đoan*: Mỗi khác. Đạo là ở tình người, đạo người là đạo không xa người. Nếu bỏ người mà đi tìm chỗ khác, đi tìm vào những mỗi khác ấy gọi là dị đoan.

*Ẩn tàng*: Ẩn dật, nhàn tản, phong thái tiên cách.

## B. Đại Ý Tổng Quát

Hành khúc nói về khu Tiên Long Châu. Tiên Long châu là khu vực bao quát tất cả mọi mặt đời sống của dân tộc Bách Việt qua không gian, thời gian diễn tiến. Tác giả tìm noi dấu vết của cổ hương, nghiên cứu mọi mặt đời sống của Tổ Tiên từ dĩ vãng đến hiện tại để rồi dự phóng một đường hướng cho tương lai, với mục đích xây đắp lại cho dân tộc sống vinh quang trong một cõi Thần châu xán lạn dài muôn thuở.

Tóm tắt đại ý trong lời thơ sau đây:

*Vạch lối muôn năm trước  
Tìm đường muôn năm sau.  
Thái bình làm sách ước  
Xây đắp cõi Thần châu.*

## C. Ý Nghĩa Chi Tiết

1. Non Kỳ, nước Nhuế là hai điểm tượng trưng cho nhiều nơi khác ở thời xa xưa và ở ngoài đất nước hiện nay người Việt đang ở. Tác giả đã một thời gian khá dài nghiên cứu, tìm tòi, trở đi trở lại nơi đây để tìm noi dấu vết cổ hương của tổ tiên nòi giống Miêu Việt, Viêm Hồng đã từng sinh hoạt từ nhiều ngàn năm trong dĩ vãng.

Việc đi ngược thời gian tìm về dĩ vãng mịt mờ, có khác nào trèo ngược lên đỉnh dốc Bồng Bong mà rẽ lau rạch cỏ bới tìm ra dấu vết xa xưa, để rồi nhận ra những lớp tang thương biến đổi mà đem lòng xúc động trước những nỗi bần khổn các-cổ, yêu ghét tội tình của sử hồn oan trái.

Mặt khác về việc mở nước nuôi dân dựng nền văn minh cho sinh mệnh quốc gia vẫn là ở đường vạch lối vũ mà những bậc kinh luân hằng lo toan tiếp nối. Cũng như nuôi nấng nhân dân, coi dân mình như dân của nhà trời, đó là đạo

đức của các bậc thánh vương. Việc chiến đấu gây nòi dựng nước trong guồng máy biến hóa muôn năm của nhà Hồng Lạc. Thực hư thế nào, người ngoài cuộc dễ gì mà biết được. Mà phải là những bậc cầm cân nảy mực, dựng nền xây móng để cho giếng mỗi muôn thuở vững bền. Những bậc đó là những khách cương thường mới biết được cái lẽ thực hư ấy.

2. Biết được lẽ thực hư là biết được cơ chuyển hóa. Biết được cơ chuyển hóa của vũ trụ là biết được cái vị thế của riêng mình trong cái cơ chuyển hóa ấy. Cũng là cái cơ thiêng, cái chân lý để thủ quốc vậy, cho nên trước hết hãy xác nhận là "*Máy thiêng thủ quốc vẫn còn chân*" và vị thế nước nòi Hồng Lạc muôn xưa của ta còn giữ mãi những dấu vết đã phân định rạch ròi ở tại thiên thư "*Tiệt nhiên phân định tại thiên thư*". Nói như thế là nói cái vị thế độc lập của mình trong thiên hạ. Tiếp theo đó còn phải kể đến phần địa lý, chính trị cộng với chủ lực chính trị của nòi Việt trong cộng đồng thế giới. Vị thế rất quan trọng đối với quốc tế, ví như ngôi sao Bắc thần đường đường ở địa vị của nó là ngôi vị chúa tể cực quyền, cực năng khiến cho mọi vì sao khác đều phải triều phục, như nói "*Vi chính dĩ đức thí như Bắc thần các kỳ sở nghi chúng tinh cùng chí*" nghĩa là "*Làm chính sự, lấy đức trị dân, ví như sao Bắc Thần ở vị trí của nó mà các sao khác triều phục vậy*". Có cái vị thế vững vàng quan trọng như thế tất nhiên "bàn tay" quyền lực mà mình nắm giữ được cái chốt của thời cơ để mà chuyển hóa, cũng như mình đã nắm được chuỗi sao Bắc đẩu để điều khiển sự vận động của vũ trụ.

Khi đã có vị thế, quyền lực tất cánh là tạo được cơ hội tốt cho nước nòi. Kinh nghiệm cho thấy ở vào thời kỳ nước non Lạc Nhuế đã có thời vua thánh tôi hiền, xây dựng cho con cháu Rồng Tiên một buổi chấn xuân cực thịnh vương và huy hoàng.

Sự phát đạt của dân tộc đưa đến thời vua thánh tôi hiền, con cháu Rồng Tiên hưởng đời chấn xuân cực thịnh như thế. Nói theo quan điểm của nhà phong thủy đó là sự kết phát của đại địa, gọi là ngôi đất lớn phát đế vương. Nhưng nói về thực tế, vận mệnh của cả một dân tộc là do cả dân tộc ấy tạo tác nên. Vậy thì dù đại địa ấy không có huyệt nào táng vào đó cả mà chỉ do cái điểm đan thanh tức là những nét sơn của sử sách tạo nên ánh sáng linh diệu thông suốt một sử hồn, đó là cái lẽ thông thần một cách hiển hách vậy.

3. *Đại địa từ xưa không huyệt táng.* Nhưng đại địa từ xưa lại có chủ trương Rồng Tiên. Nói chủ trương nhà là nói ngay từ thời nguyên thủy, Tổ tiên nòi Việt đã lấy "Rồng Tiên" làm vật tổ. Trải qua bao ngàn năm, dân tộc sống còn tiến hóa trong tinh thần ấy, tất nhiên đã tích lũy bằng những kinh nghiệm sống để trở nên những lý tính thực tiễn chung đúc vào danh từ Rồng Tiên trở nên linh tượng, biểu tượng cho một triết lý cao siêu phù hợp với đà tiến hóa của cả nhân loại. Bởi triết lý Rồng Tiên có một sắc thái tổng hợp, muôn màu

muôn về cho nên nói *"lục lục hồng hồng chẳng phải xa"*.

Trong cái chủ trương Rồng Tiên nhà, về mặt địa lý chính trị mà tầm quan trọng của nó là núi Tản và sông Thao tức là cái trục của trái đất, là vị trí then chốt của sự khép mở guồng máy tiến hóa. Còn về mặt triết lý chính trị thì cái trạm giao thoa của thời gian Xuân Kỳ thu Nhuế là biểu tượng sự hòa hợp suốt mặt kim cổ, Đông Tây, không-thời gian vận động. Còn có cái phương tiện mẫu nhiệm để mà hiện thực cái chủ trương nhà là một thứ bửu bối được cất giữ ở giữa tầng non ngọc đó là Gậy Thần, Sách Ước là vốn liếng kinh luân. Việc kinh luân theo chủ trương có triển vọng thế nào sẽ có những điềm báo ứng trước như những hình tượng đùn xây ở cửa động Hoa Lư ấy là cái điềm Vạn Thắng vậy. Căn cứ vào những điều kiện kể trên, việc hiện thực chủ trương nhà còn phải theo một phương diện chính xác như:

*"Nam Bắc không ngừng xoay Tý Ngọ"*

Đây là phương châm cũng là triết lý hành động, giữ đúng làm đúng như chủ trương nhà sẽ đưa đến kết quả là: Dù qua ngàn năm này hay ngàn năm khác *"ta lại biết là ta"*. Ta không bị tha hóa, ta vẫn còn là ta trong vị thế "nhân chủ".

4. "Ta lại biết là ta" hẳn là ta biết nguồn gốc ta từ đâu? Nguồn gốc phát sinh ra chủ trương nhà từ đâu thì ở đó đã phát sinh ra ta và cái đó là gì nếu không phải là "Rồng Tiên"... Vậy thì quê Rồng quán Tiên ở đâu? Phủ Động Đình hay gò Bồng Đảo? Trước con mắt quê mùa của bác Ngư khi lạc lối nhập Đào Nguyên. Cả một quang cảnh nước non hùng vĩ, nguy nga, diệu kỳ huyền ảo chưa từng thấy đột nhiên hiện ra trước mắt, làm cho tâm thần bác Ngư phải hốt hoảng mà phỏng đoán rằng: Đây có phải là Phủ Động Đình, nơi xưa kia nàng Tiên Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng trăm con không? Và phải chăng nơi đây cũng như Bồng Đảo nơi Tiên + Long cùng chiêu duyên kết hợp với nhau?

Việc kết hợp Tiên Long là duyên nợ ba sinh. Có duyên ắt hẳn là có nợ. Món nợ cũ là mối tình đã thắt chặt với nhau, là muôn kiếp trước (túc đế). Đã có túc đế ắt hẳn phải có tiền oan, cái hồn oan "dạ Đỗ Quyên" phải đeo đẳng với nhau, đó là túc trái vậy.

Mối tình duyên của Tiên Long có kết hợp lại có phân ly; Long quân bàn với Âu Cơ: Nàng là giống tiên, mà ta là giống rồng, thủy hỏa khắc nhau, không ở lâu được nên phải chia ly. Người lên non, người xuống nước. Trước khi chia tay, Long Quân còn dặn rằng: *"Hễ có việc gì thì cũng gọi, không được bỏ nhau"*. Thế mà rồi *"Nước đi đi mãi không về cùng non"* nên phải gọi *"Ví có Long vương"*

*phiền ty chút*" cũng như ta nói "Xin cảm phiền ty chút". Long Vương tức Long Quân, gọi Long Quân, mời Long Quân đi đâu? Đi lên xem rước nước ở cửa Huyền Thiên. Cửa Huyền Thiên ở đâu? Ở trên đầu đỉnh non cao chót vót, có khói mây mù mịt bất tận của trời xanh. Ở đây là chỗ của Tiên ở. Tuy ở non cao mà tình non vẫn nhớ nước, rước nước lên với non. Nước ơi lên mà coi để thấy rõ: "*Nước non nặng một lời thề; Nước đi đi mãi không về cùng non*". Lời thề ấy chính do cửa miệng Long quân nói ra trước khi chia tay. Thế mới biết: Non nước Tiên Long mỗi tình duyên thật khăng khít. Cũng bởi vì lòng khăng khít mỗi tình nước non, cho nên non nước này cổ kim diễn biến biết bao nhiêu thay lớp bề dâu! Bày xóa bao nhiêu cao thấp tựa đo cờ! Nhưng non nước còn là ta vẫn còn với non sông cho đến tận giờ.

- Từ buổi đóng Phong Châu dựng nền xây móng, vững nếp kỷ cương, mở mang bờ cõi, và kiến tạo văn minh.
- Đến khi Lãng Bạc tranh hùng, chống giặc giữ nòi, quyết thi gan tự cường bất khuất.
- Lúc động Hoa Lư phất cao cờ lau Vạn Thắng.
- Khi quân cách mạng Lương Thủy kiên trì chiến đấu anh dũng Bình Ngô.

Có vật thần (Sách Ước, Gậy Thần) đồng thời cũng có điềm lành báo trước lúc đó mới là lúc mang sứ mệnh chân chính ra tế thế an bang, bằng không thì cát khí chính tức là khí họa nhiên trời phú vẫn cất giữ sâu kín trong thời cơ.

Đến như vấn đề bí quyết nơi nguyệt quật. Thiên căn để gì ai đã biết? Hãy nghe câu nói: Nên thăm dò nơi nguyệt quật để mà biết được mọi sự vật. Chưa nắm được thiên căn sao biết được con người? (Nhân tình thế cố = Tu thám nguyệt quật phương chi vật, vị nhiếp thiên căn khởi thức nhân). Biết được, làm được, xây dựng được, tức là sẽ nắm trong tay được một nền văn minh toàn diện.

6/ Mới hay: Guồng máy thời cơ chuyển vần rất sáng sủa đến độ "*qua cơn bĩ cực đến hồi thái lai*". Do đó, ở nơi non xanh nước biếc có bậc hào kiệt xuất thân đem tài kinh luân ra giúp đời. Việc tuyên truyền cho danh nghĩa hần là kinh dị phi thường, phù hợp với những điềm lành ứng hiện; tác động đến tâm lý người dân vững lòng tin tưởng. Việc hư thực chỉ có người anh hùng với con mắt tinh đời trông rõ được thực hư cũng như cái giả cái chân, người hào kiệt biết được rất rõ ràng. Xưa nay những cái "bất trắc cơ" không nói được. Thử đem ra hỏi đời xem ai là kẻ "bất thể nhân" tức là kẻ phi thường nhân.

7. Nói về con người ở đời thì phần hình hài chẳng qua chỉ là cái bóng của phần tinh anh mà thôi. Cái bóng kia chỉ thấp thoáng khi có khi không, lúc còn lúc mất, bãi bể nương dâu còn đây là cuộc đời ảo ảnh. Có còn chẳng phải tìm

trong di chúc sử xanh. Muốn vậy con người ấy phải làm lịch sử. Phải làm lịch sử như thế nào? Phải làm nên đụn thóc cây tiền để nuôi dân, phải làm nên kho giáo dưỡng để dạy dỗ dân. Tức là phải có phương pháp thần diệu của gậy thần sách ước làm vốn liếng kinh doanh mà thực hiện đầy đủ những điều kiện cần thiết. Lại còn phải mở mang bờ cõi, mở mang thế lực. Đem cả sông Hằng núi Hán đều quy phục lại, cả đảo Úc tăng A cùng phục quanh. Gồm tất cả những ruộng đất từ muôn xưa của nhà Bách Việt, của Hồng Bàng còn để lại. Làm một cuộc tân canh cách mạng đổi mới trên đà văn minh tiến bộ.

8. Chuông vàng dóng lên từng hồi chiêu mộ, tiếng cảnh tỉnh, báo động dậy khắp xa gần. Tiếng chuông ngân nga, rền rĩ âm thanh lắng sâu vào trong nỗi u-uẩn của lòng người, nhắc nhở những mối cảm hờn về những rớp máu oan khiên chưa nhạt màu hồng, những giọt máu nổi tiếp đổ ra để chiến đấu gìn giữ lấy sự sống còn của dân tộc. Sức chiến đấu của dân tộc như ngọn núi Kinh Thiên vững vàng bền bỉ không lay chuyển, tinh thần cao chót vót như muốn chọc thủng chín tầng trời thiên nhiên nòi Hán. Nhưng ngán nỗi bị bao nhiêu cơn nắng hạ gay gắt là sức dã man tàn bạo của cái âm mưu xâm lược thống trị, áp bức, bóc lột vô cùng hiểm độc của bọn đế quốc nòi Hán đối với dân mình. Lại nữa, hoàn cảnh của dân mình thật là éo le như dòng nước chảy ngược. Đã nghèo, đã yếu lại phải luôn luôn đương đầu với mọi kẻ thù địch cả với con người, cả với thiên tai. Nước đổ từ thác, từ nguồn chảy ra sông ra bể là chảy xuôi; ngược lại nước từ biển Đông phải chảy ngược về rừng Bắc vì nước muốn dâng lên làm tràn ngập để cuốn trôi hết những loài gian ác tanh hôi kia đi. Nhưng mà đáng thương cho dòng nước ngược kia bị những cơn mưa đông tầm tã dầm dề là một sức cản trở lớn lao cho việc hành quân báo thù (Như quân Thục do Khổng Minh lãnh đạo, tiến công quân Tư Mã Ý (Ngụy) bị trận mưa đông kéo dài nên thất bại phải rút quân về!).

Chuông vàng đại báo, cảnh tỉnh cả về mặt quốc phòng cũng như mặt xây dựng. Mặt quốc phòng để tiếp tục sự nghiệp chiến đấu của tiền nhân. Mặt xây dựng để noi gương trì trượng, phát huy công đức lớn lao của tổ tông như: Hăm tư (24) điều giáo hóa, dạy dỗ dân mở mang mọi mặt tiến bộ về văn hóa. Xây dựng nền kỷ cương làm cho dân giàu nước mạnh trong thái bình và văn minh. Các sử gia không ngớt ca tụng thời vàng son của Lê Thánh Tông. Lại nữa, ngược dòng lịch sử, suốt 18 chi của đời Hồng Bàng (không phải đời Hùng Vương), những dấu tích quý giá của tổ tông để lại làm truyền thống vẻ vang của giống nòi trên mảnh đất thương yêu của tổ quốc từ Ngũ Lĩnh đến Thà Bà.

– Những cảnh giác và kinh nghiệm lịch sử trên đây, tác giả muốn nhấn mạnh ở điểm tự mình ý thức được nhiệm vụ của lịch sử, để thực hiện cái trách nhiệm của thời đại chưa đủ còn phải dẫn dắt người khác tiếp nối con đường đi trước

của tiên nhân. "*Qua sông ta lại trở sang sông*" là ý của câu "tự giác giác tha".

9/ Chỉ vì sứ mệnh cao cả là "làm lịch sử" nên không quản lên thác xuống ghềnh, lao tâm khổ trí mà không thấy mỏi mệt. Một cuộc cách mạng thật vĩ đại được hoạch định làm một cuộc đổi mới khắp mọi mặt triệt để và thẳng hoa. Bởi vậy phải trở lại chỗ chưa hề có cái bắt đầu, để bắt đầu thăm dò vào nơi nguyệt quật tìm ra cái chân tướng của sự vật, đến tận chín tầng trời năm lấy thiên căn, tìm ra cái chân tướng của con người.

Dựng nên giếng mối, nhưng giếng mối từ đâu? Thưa rằng: "Không ngoài guồng thân mệnh" tức là tạo nên cái hệ thống sinh mệnh của một con NGƯỜI sống trong xã hội loài người. Còn việc giáo dưỡng chủ yếu vẫn nằm trong trục vũ vấn.

Sứ mệnh cách mạng tất nhiên phải hoàn thành. Song còn phải lo việc xây dựng; lo gìn giữ được cái thành quả của cách mạng tức là xây dựng một nền hòa bình cho tròn vẹn mãi mãi. Điều đó phải nhờ vào tri kỷ, cái đó mới là mối bản khoản ao ước ("*Sao được tráng sĩ vài ngàn muôn...*").

10. Muốn hoàn thành sứ mạng cao cả của mình phải trước hết xác nhận vị trí con người làm chủ của mình. Đất đỏ ở dưới, trời xanh ở trên; Ta là con người đội trời đạp đất ở đời. Chung quanh đều là của nước non nhà, ta cũng ở giữa đất nước yêu quý của ta, nghĩa là nhìn về dĩ vãng là sự nghiệp của tổ tiên, nhìn về tương lai con cháu, ta phải có trách nhiệm: "Kế vãng khai lai". Muốn thực hiện khẩu hiệu trên, ta phải theo đường lối của Tiên đã mở ra, mang hiệu lệnh của Tiên là cái chân lý của Mẹ. Đồng thời vạch lối của Rồng đã xây dựng ra để nắm lấy ngọc tức là nắm lấy cái tinh hoa về hành động của cha. Ta tập trung vốn liếng của Mẹ Cha mà mở mang cho con cháu. Bằng tim óc thông minh, ta có thể xoay vần trong năm tháng, cũng như bằng chân tay khéo léo có thể làm nổi sơn hà.

Việc xây dựng gồm có các mặt lý luận thuần túy cũng như thực tiễn đều là thần cơ. Ai biết hết được thần cơ, đem áp dụng thần cơ một cách thần diệu để tô điểm cho sơn hà. Lúc đó sẽ thấy giang sơn gấm vóc đầy hoa lệ. Tức là mỗi tảng đá, mỗi đầu ghềnh đều tốt tươi đầy hoa nở hay nói cách khác núi sông hoa gấm vậy.

11. Cơ hội tốt, ngàn năm một thuở, nắm lấy cơ hội, thực hiện cuộc cách mạng vĩ đại, tảo thanh hết loài lang sói hại nước hại dân, mở ra một sự đổi mới toàn diện. Lúc đó toàn dân đứng dậy, anh hùng tuấn nghệ ở khắp các nẻo đường đất nước, từ ở các vùng lâm tuyền lau lách cho đến nơi thôn xóm làng quê đều ra nhận lãnh trách nhiệm và lúc đó cũng như ngày thẳng lợi của cuộc cách

mạng Lê Lợi, ban lời "Bình Ngô Đại Cáo" cho thiên hạ. Bấy giờ cuộc thắng lợi này là lời đại cáo của toàn thể dân Bách Việt và cũng như thời Lê Hồng Đức vui tấu khúc Quỳnh ca. Khúc nhạc lần này là khúc nhạc nhân dân đổi đời. Lúc đó trời Nam gom lại một nhà của dân tộc Rồng Tiên vui sống trong cảnh thái bình vạn xuân.

12. Vô danh là gốc đạo: Đạo là cái gì rất vi diệu khó nói. Lão Tử đã nói: "Đạo mà nói ra được thì không phải đạo thường hằng (Đạo khả đạo phi thường đạo).

Nhân cảm hứng thốt ra từ đạo tâm, tác giả gửi gắm tư tưởng của mình qua lời nói bóng gió non ngàn. Vậy cần tìm hiểu qua lời bóng gió non ngàn kia để lần ra mỗi đạo. Có lẽ chúng ta phải học theo lối "Ta thuyết pháp ví như cái bè..."

Sau đây là lời nói thực tế: Mọi cơ hội, cơ may, cơ thiêng đều nắm sẵn cái tính lý sẵn có ở sự vật. Nắm được cái lý tính thực tiễn của sự vật, áp dụng một cách thần diệu khôn ngoan mới thành công được. Cũng như nói Đạo ở đâu? Đạo là cái gì? Đạo là cái lý cùng cực cũng đều do cái tính người xung động đến cực độ mà nhìn thấy, tức là "giác ngộ". Như thế Đạo cũng do con người tìm thấy đem ra mà áp dụng với vai chủ động thì không còn mơ hồ, lạ lùng rắc rối như tin nhầm nữa.

Chính trị là tiên liệu, phải vì nhu cầu của nhân dân mà tiên liệu. Cho nên phải do nhân dân cầm chính trị thì lúc đó trăm con Hồng Lạc mới hết gian nan vất vả.

#### D. Bình Luận

Bài "Tiên Long Châu Hành" là một bài thơ dài gồm 12 bài Hán luật đi liền một mạch nhất quán. Cái nhất quán của nội dung đã tìm hiểu qua tổng quát đến chi tiết. Bấy giờ tìm hiểu qua cách bố cục là con số 12 của hình thức. Số 12 như thế nào? Theo Thiệu Khang Tiết: "Số của trời đất là 12 vạn 9 ngàn 600 xuân là một nguyên (12.9600). Nguyên chia làm 12 hội, mỗi hội là 1 vạn 800 năm. Nói về 12 hội là: Tý, Sửu, Dần ... Hợi. Năm có 12 tháng, ngày có 12 giờ nó lưu hành diễn biến theo những quy luật tự nhiên của vũ trụ vận động. Hành khúc này cũng có 12 đoạn tương ứng với những quy luật vận động tự nhiên vô cùng huyền diệu. Tương ứng tương hợp giữa 12 đoạn thơ cùng với 12 vạn hội như thế nào?

Đoạn 1-2 thơ ứng hợp hội Tý Sửu là lúc trời đất mới mở mang (Thiên khai ư Tý, địa tịch ư Sửu). Bắt đầu vào ngày, nhất dương sinh là quẻ Phục. Trời đất còn hỗn mang, ngày chưa sáng, thơ thì Non Kỳ nước Nhuế mấy năm trường

mịt mù tìm tòi dấu vết cổ hương. Thôi thì đỉnh dốc bồng bong gỡ chưa ra, lưng đeo cắc có còn lăm tang thương mờ mịt đất trời, mãi đến đoạn 3 là Dần. Số 3 là số trời, trời đất dần sáng. Giờ dần là giờ của người (Nhân sinh ư dần). Người lúc đó lên ngôi “nhất nguyên”. Kể từ Dần là 1 đếm đến 3 là Thìn. Thìn là Rồng. Ta thấy ngay chữ Rồng đang vẫy vùng đứng đầu đoạn thơ số 3 (*Rồng Tiên vốn có chủ trương nhà*). Hãy xem kỹ lại đoạn thơ này sẽ thấy được chủ ý của tác giả đặt tiền đề của đề tài Tiên Long châu hành ở đoạn này. Thật là quan trọng hết sức. Với tác giả thì phải chăng đoạn này là : “Thái bình làm sách ước để xây đắp cõi Thần Châu”.

Với kẻ tìm hiểu thơ thì miệt mài tìm tòi đã rút ra được những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Rồng Tiên ghi ở đoạn thơ này. Đoạn 4 thơ, trời đã sáng hẳn, tuy bác Ngư có lạc lối nhập đào nguyên thì cũng trông rõ thấy một cảnh tiên rực rỡ nguy nga và kỳ diệu giữa ban ngày. Nét bút tài tình của tác giả là khéo đưa cái phong cảnh kỳ dị đột hiện ra trước mắt một ngư phủ quê mùa chưa từng thấy bao giờ làm cho tâm trạng của bác ngư khi chợt thấy phải hoảng hốt. Chữ hốt hoảng nói lên được tất cả những nét thần kỳ của cảnh vật Động Đình:

- Động Đình là gốc tinh hoa của Tiên Long Châu, cũng là cái nôi thiêng của nòi giống Bách Việt.
- Động Đình là Bồng Đảo, là Thiên Thai nhà của Tiên Long chiêu duyên kết hợp mà sinh ra một bọc trăm trứng trăm con.
- Động Đình là nơi kết hợp duyên nợ ba sinh của mối tình Tiên Long cũng là duyên nợ Tổ Tông truyền của con cháu Rồng Tiên.
- Đoạn 5 thơ, câu nhập đề của đoạn này:

“Non nước còn ta đến tận giờ” – “TA” tác giả tự xưng, dù là một siêu nhân lịch sử cũng không thoát cái duyên nợ Tổ Tông truyền. Cho nên hậu thân chàng rể trên gò Bồng Đảo lúc chiêu duyên là ai? Chính tác giả người đã nắm được số 5 là số giữa đốt trúc của Gậy Thần mà quay guồng Tý – Ngọ (*Nam Bắc không ngừng xoay Tý Ngọ*). Trục của Tý – Ngọ là số 5 ở giữa số 1 đến số 9 trong bài thơ này.

Bước sang đoạn 10 là số 10, bỗng thấy sáng rõ ra một chân trời kỳ lạ. Trong ánh lung linh sáng rực, ta thấy hiện ra những số 3. Phải chăng số 3 là đoạn 3 thơ như ta đã thấy ở trên là căn cứ tối cao của chủ thuyết Rồng Tiên? Không hẳn không, nhưng ở đây số 3 trong số 10.

\* Số 3 = Tam Tài (Thiên – Địa – Nhân) - “Đất Đỏ Trời Xanh Giữa Một ‘Ta’”. (= Vũ trụ = Tự nhiên = vô nguyên).

\* Số 3 biện chứng 3 (= Nhân sinh = Nhân loại = nhất nguyên).



(= Dân tộc = Nhân dân = đa nguyên)

làm nguyên lý cho chủ thuyết Rộng Tiên. Ở đoạn 3 thơ, như vậy có sự giao thoa giữa đoạn 3 với đoạn 10. Vì số 3 là biểu tượng Rộng, số 10 biểu tượng Tiên. Chúng ta hẳn chưa quên ngày 10 tháng 3 hàng năm là ngày giỗ Tổ. Như vậy linh hồn của Tổ Tiên đã ứng hiện bằng ý thơ ở đoạn 3 và đoạn 10 trong bài Tiên Long Châu Hành.

Còn đoạn 11 là đoạn sơ kết nói lên niềm tin tưởng vào sự thắng lợi vẻ vang.

Đoạn 12 là đoạn kết bằng những lời nhắn nhủ ân cần để lại cho nòi giống Tiên Long.

Đạo tâm vi diệu khó bàn, tác giả nói phải đem lời cảm hứng nói non ngàn, tức là những lời xa xôi bóng gió trừu tượng, huyền bí văn chương của Tiên. Lại có những lời, những câu, những chữ thiết thực, bộc trực thẳng thắn như: Cơ trong vật lý, đạo ở trong nhân tình v.v... đó là văn chương của Rộng. Người tìm hiểu thơ phải kết hợp hòa hài và linh động giữa văn Tiên với chương Rộng hầu đạt ý thơ./.